ĐỀ KIỂM TRA TOÁN LỚP 6

Khảo sát đầu năm lớp 6 (mức nâng cao)

15 câu · Thời gian gợi ý: 30 phút

Họ và tên: .....

Lớp: ..... **Ngày:** ...../...../.....

Điểm

Câu 1. Viết thành số thập phân

$\frac{1}{100}$ = ?

A. 0,02 B. 0,1 C. 0,001 D. 0,01

Câu 2. Làm tròn số thập phân

Làm tròn số 54,889 đến hàng phần trăm thì được số nào?

A. 54,92 B. 54,9 C. 54,89 D. 54,88

Câu 3. Giải toán (viết số, không ghi %)

Một lớp học có 27 học sinh nam và 5 học sinh nữ. Số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 4. Giải toán

Tổng của hai số là 6 243, hiệu của chúng là 157. Tìm số lớn.

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 5. Đổi đơn vị

0,97 km^2 = ? m^2

Bài giải:

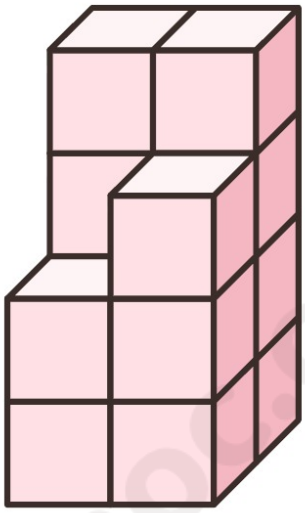
.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 6. Thể tích của một hình



Hình bên được xếp từ các hình lập phương nhỏ (hai hàng, không có chỗ trống). Cần xếp thêm ít nhất bao nhiêu hình lập phương nhỏ nữa để được một hình hộp chữ nhật?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 7. Giải toán

Một đội công nhân sửa đường: ngày thứ nhất sửa được 72,3 m, ngày thứ hai nhiều hơn ngày thứ nhất 5,1 m. Hỏi cả hai ngày được bao nhiêu mét?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 8. Giải toán

Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích 27 dam², chiều rộng 30 m. Tính chu vi mảnh đất đó.

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 9. Giải toán

Một hình thang có diện tích 177,5 cm², chiều cao 5 cm, đáy lớn hơn đáy bé 11 cm. Tính đáy bé.

Bài giải:

.....

.....

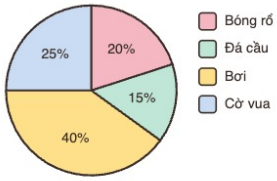
.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 10. Biểu đồ hình quạt tròn



Biểu đồ bên cho biết tỉ số phần trăm học sinh chọn từng môn thể thao. Số học sinh chọn cờ vua nhiều hơn số học sinh chọn đá cầu là 4 em. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh tham gia?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 11. Giải toán (đơn vị km/giờ)

Một ô tô đi trong 3 giờ đầu với vận tốc 49 km/giờ, sau đó đi tiếp 1 giờ với vận tốc 40 km/giờ. Tính vận tốc trung bình của ô tô trên cả quãng đường.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 12. Giải toán

Một khối gỗ hình lập phương cạnh 6 cm. Người ta khoét một lỗ hình hộp chữ nhật xuyên suốt từ mặt trước ra mặt sau, miệng lỗ là hình vuông cạnh 1 cm. Tính thể tích phần gỗ còn lại.

Bài giải:

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 13. Giải toán

Năm ngoái trường có 300 học sinh, trong đó 20% học sinh tham gia câu lạc bộ bơi. Năm nay trường có 360 học sinh, trong đó 50% học sinh tham gia câu lạc bộ bơi. Năm nay số học sinh tham gia câu lạc bộ bơi nhiều hơn năm ngoái bao nhiêu em?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 14. Giải toán

Một cuộn dây điện dài 7,9 m. Người ta cắt ra 5 đoạn, mỗi đoạn dài 13 dm. Phần còn lại cắt thành các đoạn dài 20 cm. Hỏi cắt được bao nhiêu đoạn dài 20 cm?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 15. Giải toán

Một hình chữ nhật có chiều dài 17 cm, chiều rộng 14 cm. Nếu tăng chiều rộng để được hình vuông (giữ nguyên chiều dài) thì diện tích tăng thêm bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

Bài giải:

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

ĐÁP ÁN

Mã đề T6-DN-15-N-18838 · Khảo sát đầu năm lớp 6 (mức nâng cao)

Câu 1: D. 0,01 · Khái niệm số thập phân: viết, đọc, giá trị chữ số

Mẫu số 100 có 2 chữ số 0 nên phần thập phân có 2 chữ số: 1 viết thành 01. Vậy $\frac{1}{100}$ = 0,01.

Câu 2: C. 54,89 · Làm tròn số thập phân

Chữ số ngay bên phải hàng phần trăm là 9, từ 5 trở lên nên làm tròn lên. Kết quả là 54,89.

Câu 3: 15,625 · Tìm tỉ số phần trăm của hai số

Số học sinh cả lớp: 27 + 5 = 32 (học sinh). Tỉ số phần trăm: 5 : 32 = 0,156.25 = 15,625%.

Câu 4: 3200 · Phép tính với số tự nhiên, trung bình cộng, tổng – hiệu

Số lớn = (tổng + hiệu) : 2 = (6 243 + 157) : 2 = 3 200.

Câu 5: 970000 · Ki-lô-mét vuông, héc-ta

1 km² = 1 000 000 m², nên 0,97 km² = 0,97 × 1 000 000 = 970 000 (m²).

Câu 6: 3 · Thể tích của một hình

Hình hộp chữ nhật nhỏ nhất có 2 hàng, mỗi hàng 2 cột, cao 4 hình (bằng cột cao nhất): 2 × 2 × 4 = 16 (hình). Hình đang có: 2 + 3 + 4 + 4 = 13 (hình). Cần thêm: 16 − 13 = 3 (hình).

Câu 7: 149,7 · Cộng số thập phân

Phần thứ hai: 72,3 + 5,1 = 77,4 (m). Cả hai: 72,3 + 77,4 = 149,7 (m).

Câu 8: 240 · Bảng đơn vị đo diện tích

Đổi 27 dam² = 2 700 m². Chiều dài: 2 700 : 30 = 90 (m). Chu vi: (90 + 30) × 2 = 240 (m).

Câu 9: 30 · Hình thang, diện tích hình thang

Tổng hai đáy: 177,5 × 2 : 5 = 71 (cm). Đáy bé: (71 − 11) : 2 = 30 (cm).

Câu 10: 40 · Biểu đồ hình quạt tròn

Cờ vua hơn đá cầu: 25% − 15% = 10%, ứng với 4 em. Tổng số học sinh: 4 : 10 × 100 = 40 (em).

Câu 11: 46,75 · Vận tốc

Quãng đường đầu: 49 × 3 = 147 (km). Quãng đường sau: 40 × 1 = 40 (km). Cả quãng đường: 147 + 40 = 187 (km) trong 3 + 1 = 4 (giờ). Vận tốc trung bình: 187 : 4 = 46,75 (km/giờ).

Câu 12: 210 · Thể tích hình lập phương

Thể tích khối gỗ: 6 × 6 × 6 = 216 (cm³). Lỗ khoét là hình hộp 1 cm × 1 cm × 6 cm: 1 × 1 × 6 = 6 (cm³). Còn lại: 216 − 6 = 210 (cm³).

Câu 13: 120 · Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất

Năm ngoái: 300 × 20 : 100 = 60 (em). Năm nay: 360 × 50 : 100 = 180 (em). Nhiều hơn: 180 − 60 = 120 (em).

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 14: **7** · Ôn tập đo lường

Đổi ra xăng-ti-mét: 7,9 m = 790 cm; 13 dm = 130 cm. Đã cắt: 130 × 5 = 650 (cm). Còn lại: 790 − 650 = 140 (cm). Số đoạn: 140 : 20 = 7 (đoạn).

Câu 15: **51** · Ôn tập hình học và đo lường

Chiều rộng phải tăng 17 − 14 = 3 cm. Phần tăng thêm là hình chữ nhật 17 cm × 3 cm, diện tích 17 × 3 = 51 cm^2.

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký